

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 88/2024/HS-ST  
Ngày 23-9-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hợp

Bà Trần Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**  
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2024/TLST-HS, ngày 28 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 9 năm 2024, đối với:

**- Bị cáo:** Chu Thị N, sinh ngày 06 tháng 3 năm 1995 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn Đ và bà Hoàng Thị H; chưa có chồng; có 01 con sinh ngày 05-5-2024; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01-4-2024 đến nay; có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Lâm Xuân T, Luật sư Văn phòng luật sư L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Bị hại:** Ông Chu Văn Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do. Cư trú tại: Thôn B, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Lê Thị B. Cư trú tại: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20-3-2024, ông Chu Văn Đ được Nhà nước chi trả 670.214.000đồng tiền đền bù giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến Quốc lộ 4B. Sau khi nhận tiền, ông Chu Văn Đ để toàn bộ số tiền vào chiếc túi đựng quần áo màu xám, rồi để vào trong tủ quần áo tại phòng ngủ của vợ chồng con trai anh Chu Đức N và nói lại việc cất số tiền trên cho con dâu chị Trần Thị C biết. Thời điểm này Chu Thị N là con gái ông Chu Văn Đ ở cùng nhà, không có việc làm, đang cần tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền này.

Khoảng 16 giờ ngày 28-3-2024, lợi dụng lúc gia đình không có ai ở nhà, Chu Thị N đã lên vào phòng ngủ của vợ chồng anh Chu Đức N và chị Trần Thị C mở tủ quần áo lấy trộm 650.000.000đồng. Số tiền còn lại Chu Thị N đặt ở vị trí ban đầu. Sau khi lấy được tiền, Chu Thị N cất giấu trong túi áo khoác màu xám của mình rồi để lên giường ngủ. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Chu Thị N lấy 50.000.000đồng đưa cho chị Lê Thị L ở cùng thôn nhờ chuyển vào tài khoản 0981000405126 của Chu Thị N tại Ngân hàng V. Sau khi chị Lê Thị L thực hiện thành công giao dịch chuyển khoản, Chu Thị N đã cho chị Lê Thị L 50.000.000đồng tiền mặt và trả thêm 50.000đồng phí dịch vụ chuyển tiền.

Đến khoảng 07 giờ ngày 29-3-2024, Chu Thị N truy cập vào trang Web "Web.hitclup.win" và chuyển số tiền 49.900.000đồng từ tài khoản của mình đến tài khoản do trang Web "Web.hitclup.win" cung cấp để tham gia đánh bạc trực tuyến bằng hình thức chơi game Tài - Xỉu và thua hết. Cùng ngày, Chu Thị N mang 600.000.000đồng còn lại ra thành phố L, tỉnh Lạng Sơn gửi 500.000.000đồng vào tài khoản 0981000405126 của Chu Thị N tại Ngân hàng V để chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng do trang Web "Web.hitclup.win" cung cấp, cụ thể: Chuyển 49.900.000đồng đến tài khoản 1044025996 mang tên Lâm Thị Trúc P tại Ngân hàng V. Chuyển 300.000.000đồng đến tài khoản 8821333045 mang tên Trần Xuân H tại Ngân hàng B. Chuyển 40.000.000đồng đến tài khoản 1044071032 mang tên Nguyễn Văn N tại Ngân hàng V. Chuyển 160.000.000đồng đến tài khoản 11044088638 mang tên Phạm Thị Mỹ L tại Ngân hàng V. Sau khi nạp tiền vào các tài khoản nêu trên, Chu Thị N đã đánh bạc bằng hình thức chơi game Tài - Xỉu và thua hết số tiền đã nạp.

Sau đó, Chu Thị N cầm 100.000.000đồng còn lại đi về nhà. Trên đường về nhà Chu Thị N đã lấy số tiền 3.600.000đồng để trả nợ cho Chu Văn T là người ở cùng thôn. Về đến nhà thấy mọi người trong gia đình đang hỏi nhau và tìm số tiền cất trong tủ, Chu Thị N nói bản thân không được lấy số tiền này. Lúc này trong nhà có bà Lê Thị B đến đòi nợ ông Chu Văn Đ đã vay trước đó. Chu Thị N đã mở cốp xe mô tô lấy ra 37.000.000đồng trả cho bà Lê Thị B. Sau đó, ông Chu Văn Đ trình báo sự việc với cơ quan Công an. Qua trình xác minh, Chu Thị N đã thừa nhận hành vi trộm cắp số tiền 650.000.000đồng của ông Chu Văn Đ và giao nộp số tiền còn lại là 59.400.000đồng. Ông Chu Văn Đ đã nhận lại số tiền 59.400.000đồng và không yêu cầu Chu Thị N bồi thường số tiền còn lại. Ông Chu Văn Đ có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Chu Thị N.

Tại Bản kết luận giám định số 584/KL ngày 21-5-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn xác định: Toàn bộ số tiền Việt Nam 59.400.000đồng gửi giám định đều là tiền thật.

Bà Lê Thị B trong quá trình điều tra và tại Đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện: Trước năm 2024, bà Lê Thị B có cho ông Chu Văn Đ vay tổng số tiền là 50.000.000đồng. Sau đó, ông Chu Văn Đ mới trả được 13.000.000đồng. Số tiền còn lại 37.000.000đồng vào ngày 29-3-2024 ông Chu Văn Đ có gọi bà Lê Thị B đến nhà để trả nốt. Khi đến nơi, ông Chu Văn Đ bảo con dâu vào lấy tiền ra trả thì mới phát hiện bị mất trộm tiền chỉ còn lại 20.000.000đồng. Sau đó, con gái của ông Chu Văn Đ về đến nhà. Khi nghe sự việc bà Lê Thị B đến lấy tiền trả nợ thì Chu Thị N đã lấy ra 37.000.000đồng trả cho bà Lê Thị B. Khi nhận số tiền này bà Lê Thị B không biết đó là tiền do Chu Thị N phạm tội mà có. Số tiền trên, bà Lê Thị B đã chi tiêu sinh hoạt trong gia đình hết.

Tại Cáo trạng số 95/CT-VKSLS-P1 ngày 26-8-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Chu Thị N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

### **Tại phiên tòa:**

Bị cáo Chu Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Đối với chiếc điện thoại đang bị thu giữ bị cáo đề nghị được trả lại.

Bị hại Chu Văn Đ xác nhận sự việc đúng như nội dung của bản Cáo trạng đã truy tố. Bị hại không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 590.600.000đồng và đề nghị xem xét giảm trách nhiệm hình sự, giảm mức hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Chu Thị N phạm tội Trộm cắp tài sản. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173, điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Do bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 590.600.000đồng nên không xem xét. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại Iphone 11 màu đen. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Luật sư ông Lâm Xuân T là người bào chữa cho bị cáo nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về xử lý vật chứng, về trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo 07 năm tù và xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm được trở về với gia đình nuôi con nhỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phiên tòa mở lần thứ nhất, tuy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người này.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Khoảng 16 giờ ngày 28-3-2024, tại nhà ông Chu Văn Đ ở thôn B, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Chu Thị N đã có hành vi trộm cắp số tiền 650.000.000 đồng của ông Chu Văn Đ để sử dụng vào việc đánh bạc trực tuyến trên mạng và trả nợ. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Chu Thị N phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về quyền tài sản của người khác, mà quyền này được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã trực tiếp và lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác mà người này cũng chính là bố đẻ của bị cáo. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình gây ra là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, hành vi của bị cáo gây ra cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo là người không có tiền án, tiền sự; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; phạm tội lần đầu. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang có thai. Sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 59.400.000 đồng còn lại trong số tiền bị cáo đã trộm cắp để trả lại cho bị hại. Mặt khác, bị cáo là con gái của bị hại; bản thân bị hại cũng có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách

nhệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản và đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Cơ quan điều tra đã cho bị cáo sử dụng điện thoại của bị cáo để đăng nhập vào trang Web "Web.hitclup.win" nhưng không được. Do không xác định được đối tượng tổ chức đánh bạc, không thu được dữ liệu, lịch sử số tiền của từng lần đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý bị cáo về hành vi Đánh bạc.

[8] Đối với số tiền 49.900.000đồng được bị cáo chuyển đến tài khoản của Lâm Thị Trúc P. Chị Lâm Thị Trúc P cho biết chị không quen biết với bị cáo, tài khoản ngân hàng trên là do chị đăng ký vào đầu tháng 02-2024. Sau khi mở tài khoản chị bán cho người không rõ nhân thân, lai lịch trên mạng xã hội sử dụng. Chị không biết mục đích họ sử dụng tài khoản vào việc gì, chị cũng không rõ tên tuổi của người đó nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh.

[9] Đối với số tiền 300.000.000đồng được bị cáo chuyển đến tài khoản của Trần Xuân H. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xác định hiện Trần Xuân H không có mặt tại nơi cư trú. Theo thông tin Công an địa phương cung cấp thì Trần Xuân H đi làm ở Campuchia nhưng không rõ địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để triệu tập lấy lời khai.

[10] Đối với số tiền 40.000.000đồng bị cáo chuyển đến tài khoản mang tên Nguyễn Văn L và số tiền 160.000.000đồng chuyển đến tài khoản mang tên Phạm Thị Mỹ L. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xác Nguyễn Văn L, Phạm Thị Mỹ L không có mặt tại nơi cư trú, không rõ đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để triệu tập lấy lời khai.

[11] Đối với số tiền 100.000đồng có trong tài khoản của bị cáo. Đây là số tiền còn lại trong số tiền bị cáo trộm cắp được, do Ngân hàng đã trừ phí đăng ký dịch vụ SMS hàng tháng hết nên Cơ quan điều tra không có điều kiện thu hồi.

[12] Đối với số tiền 50.000.000đồng mà Lê Thị L nhận từ bị cáo khi được nhờ chuyển khoản vào tài khoản của bị cáo. Do Lê Thị L không biết số tiền trên là của bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về số tiền này.

[13] Đối với số tiền 37.000.000đồng bị cáo trả cho bà Lê Thị B là số tiền ông Chu Văn Đ nợ bà Lê Thị B. Quá trình điều tra xác định có việc vay nợ trên, ngày 29-3-2024 ông Chu Văn Đ là người chủ động gọi cho bà Lê Thị B đến nhà để trả tiền nợ thì phát hiện việc mất tiền. Trong quá trình điều tra ông Chu Văn

Đ đồng ý để số tiền nêu trên là tiền trả nợ cho bà Lê Thị B và không yêu cầu đề nghị gì. Do vậy, Cơ quan điều tra không thu hồi số tiền trên.

[14] Đối với số tiền 3.600.000đồng bị cáo cho rằng đem trả cho Chu Văn T đối với khoản nợ trước đó. Tuy nhiên, Chu Văn T không thừa nhận được Chu Thị N trả số tiền này. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả nên không có căn cứ thu hồi số tiền này.

[15] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tổng số tiền ông Chu Văn Đ bị trộm cắp là 650.000.000đồng. Ông Chu Văn Đ đã nhận lại số tiền 59.400.000đồng. Số tiền còn lại 590.600.000đồng ông Chu Văn Đ không yêu cầu Chu Thị N phải trả lại. Như vậy, chủ sở hữu tự chấm dứt quyền sở hữu của mình, đã thực hiện hành vi chứng tỏ việc mình từ bỏ quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản không chỉ trong quá trình điều tra thể hiện bằng văn bản mà thể hiện một lần nữa tại phiên tòa. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông Chu Văn Đ, căn cứ Điều 239 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề này.

[16] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo, do không liên quan đến việc trộm cắp tài sản nên trả lại cho bị cáo.

[17] Về án phí: Do bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[18] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của người bào chữa cho bị cáo, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[19] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173, điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 237, Điều 239 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 292, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Thị N phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Chu Thị N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Chu Thị N bị bắt đi thi hành án .

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận ông Chu Văn Đ từ bỏ quyền sở hữu của mình đối với số tiền 590.600.000đồng, cụ thể: Ông Chu Văn Đ không yêu cầu bị cáo Chu Thị N phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 590.600.000đồng (năm trăm chín mươi triệu sáu trăm nghìn đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Chu Thị N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PRO MAX màu đen, cũ đã qua sử dụng, số IMEL1: 353894104243661, bên trong có gắn 01 sim điện thoại Viettel (Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04-9-2024).

5. Về án phí: Bị cáo Chu Thị N phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở T tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06, PC02, CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, Tòa HS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Hoa**